TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 292/2023/DS-PT
Ngày 24-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Chum

Ông Nguyễn Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ấn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 417/2022/TLPT-DS ngày 07/12/2022 về việc "tranh chấp hợp đồng đặt cọc"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2023/QĐ-PT ngày 28/02/2023, Thông báo mở lại phiên tòa số 50/2023/TB-TA ngày 15/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 29/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Quốc T, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1996; địa chỉ liên hệ: số C Đại lộ B, khu phố B, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/01/2021); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị L, Luật sư thuộc Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; địa chỉ: khu phố B, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1979; địa chỉ: đường H, tổ E, khu phố P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Mai Thị T1, sinh năm 1986; địa chỉ: đường H, tổ E, khu phố P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là ông Võ Quốc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01/10/2020 và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Do có nhu cầu nhận chuyển nhượng đất nên ngày 10/8/2020, ông Võ Quốc T ký thỏa thuận đặt cọc với ông Nguyễn Thanh B để nhận chuyển nhượng thửa đất số 1378, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.178,1m^2, tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, giá chuyển nhượng là 1.400.000.000 đồng. Tại thời điểm ký thỏa thuận đặt cọc, ông T giao cho ông B 200.000.000 đồng, số tiền còn lại hai bên thỏa thuận ngày 25/9/2020 đến văn phòng C tại huyện B để ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông T sẽ thanh toán đủ số tiền chuyển nhượng đất cho ông B. Sau khi đặt cọc, ông T dự định chuyển nhượng đất cho người khác, nhưng qua tìm hiểu đươc biết được thửa đất số 1378 có một phần thuộc quy hoạch điện năng lượng, nên ông T muốn thỏa thuận chấm dứt việc thực hiện hợp đồng đặt cọc và nhận lại tiền cọc. Vì vậy, trước ngày hai bên thỏa thuận ra văn phòng công chứng, ông T đã liên hệ ông B báo chấm dứt hợp đồng đặt cọc và nhận lại tiền cọc, nhưng ông B không đồng ý và nói nếu không ra văn phòng công chứng thì sẽ mất tiền cọc. Đến ngày 25/9/2020, ông T không ra văn phòng công chứng theo thỏa thuận. Sau đó, ông T liên hệ ông B nhiều lần để yêu cầu ông B trả lại tiền cọc, nhưng ông B không đồng ý.

Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng thửa đất số 1378 là tài sản chung của vợ chồng ông B và bà Mai Thị T1, việc ông B tự ý ký hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng đất là không đúng quy định của pháp luật, nên thỏa thuận đặt cọc ngày 10/8/2020 vô hiệu ngay thời điểm xác lập.

Ông T khởi kiện ông B yêu cầu Tòa án hủy thỏa thuận đặt cọc ngày 10/8/2020, yêu cầu ông B có nghĩa vụ thanh toán cho ông Võ Quốc T 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Thống nhất ý kiến trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc giữa ông T và ông B có ký thỏa thuận đặt cọc ngày 10/8/2020 để chuyển nhượng thửa đất số 1378, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.178,1m^2. Ông B đã nhận 200.000.000 đồng tiền đặt cọc từ ông T, thời gian công chứng hợp đồng là ngày 25/9/2020. Sau khi ký thỏa thuận đặt cọc khoảng 10 ngày, do ông B gặp khó khăn về tài chính nên ông B gọi điện thoại cho ông T để hai bên có thể đến văn

phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sớm hơn, nhưng ông T cho biết ông chưa có tiền và các bên sẽ ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng thời gian đã thỏa thuận là ngày 25/9/2020. Trước ngày công chứng, ông T gọi điện cho ông B nói ông T sẽ không đến văn phòng công chứng để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vì thửa đất số 1378 có một phần thuộc quy hoạch điện năng lượng, ông T muốn hủy thỏa thuận đặt cọc và nhận lại 200.000.000 đồng, nhưng ông B không đồng ý, vì thửa đất số 1378 không thuộc quy hoạch, đã có xác nhận tình trạng bất động sản, trích lục hồ sơ và chỉ chờ đến ngày 25/9/2020 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T tại văn phòng công chứng. Đến ngày 25/9/2020 ông T không đến văn phòng công chứng để ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau đó, ông B đã chuyển nhượng thửa đất số 1378 cho ông Nguyễn Văn T2 và ông Nguyễn Văn T2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc nguyên đơn ông T2 không thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên trong thỏa thuận đặt cọc ngày 10/8/2020 là do lỗi của ông T2, nên ông B không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị T1 trình bày:

Thống nhất ý kiến trình bày của bị đơn ông B, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự số 63/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Quốc T với bị đơn ông Nguyễn Thanh B.

Tuyên hủy Thỏa thuận đặt cọc ngày 10/8/2020 giữa ông Võ Quốc T với ông Nguyễn Thanh B.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Quốc T với bị đơn ông Nguyễn Thanh B về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh B trả lại số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn ông Võ Quốc T phải chịu 10.000.000 đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0052013 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ông Võ Quốc T còn phải chịu 9.700.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là Võ Quốc T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Nguyên đơn không đồng ý bản án sơ thẩm, nên có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc yêu cầu bị đơn trả tiền cọc. Về lỗi làm cho hợp đồng không thể thực hiện được: hồ sơ công chứng hợp đồng chuyển nhượng gồm có trích lục bản vẽ, tuy nhiên, bản trích lục của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C thể hiện đất có một phần thuộc quy hoạch điện năng lượng. Khi biết thông tin đất có một phần quy hoạch điện năng lượng thì ông T đã chủ động liên hệ với ông B. Bản trích lục này là tài liệu quan trọng và cơ quan nhà nước đã thừa nhận là có sai sót khi lập trích lục. Cho dù các bên không thỏa thuận về việc hoàn trả tiền cọc khi đất thuộc quy hoạch nhưng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong trường hợp này là phụ thuộc vào quy định pháp luật. Mặt khác, sau khi có thông tin quy hoạch, ông T đã liên hệ với ông B để thương lượng về vấn đề phát sinh thì ông B nói rằng sẽ kiểm tra lại và báo cho ông T biết. Tuy nhiên, ông B đã không chủ động liên hệ, xác minh thông tin tình trạng đất bị quy hoạch mà lại chuyển nhượng cho người khác, điều này chứng tỏ ông B thiếu thiện chí. Hai bên đều không ra phòng công chứng thì không thể ký kết được hợp đồng và ông B đã chuyển nhượng đất cho người khác nên hai bên không thể tiếp tục thực hiện được hợp đồng do đối tượng của hợp đồng không còn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lỗi của cơ quan có thẩm quyền và lỗi của bị đơn và chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn trả lại tiền cọc cho nguyên đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Hai bên thỏa thuận đặt cọc ngày 10/8/2020 là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên thỏa thuận có hiệu lực ràng buộc trách nhiệm của hai bên. Nguyên đơn cho rằng tài sản đặt cọc là tài sản chung của vợ chồng bị đơn mà vợ bị đơn (bà Mai Thị T1) không ký hợp đồng nên hợp đồng vô hiệu. Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa bà T1 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bà T1 xác định biết việc ông B thỏa thuận đặt cọc với nguyên đơn và không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T1, nên lời trình bày này của nguyên đơn là không có căn cứ. Đối với việc đất có một phần quy hoạch điện năng lượng, xét văn bản ngày 27/6/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C thì đất không thuộc trường hợp không được phép chuyển nhượng. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của ông Võ Quốc T (sau đây gọi là nguyên đơn) được thực hiện trong thời hạn luật định; hình thức đơn kháng cáo phù hợp quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền đặt cọc; phần còn lại của bản án sơ thẩm về việc tuyên hủy Thỏa thuận đặt cọc ngày 10/8/2020 giữa nguyên đơn và ông Nguyễn Thanh B (sau đây gọi là bị đơn) không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực.

[2] Về nội dung, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc hai bên có ký kết Thỏa thuận đặt cọc ngày 10/8/2020, để chuyển nhượng diện tích đất 1.178,1m^2, thuộc thửa đất số 1378, tờ bản đồ số 09, tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, giá thỏa thuận là 1.400.000.00 đồng; nguyên đơn đặt cọc cho bị đơn 200.000.000 đồng, số tiền còn lại thỏa thuận thanh toán vào ngày ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là ngày 25/9/2022 tại Văn phòng C, huyện B, tỉnh Bình Dương. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án làm rõ nội dung trả lời của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bình Dương tại Công văn số 396/CNVPĐKĐĐ ngày 19/4/2021 xác định thửa đất số 1378 thuộc quy hoạch đất trồng cây lâu năm, nhưng tại mảnh trích lục địa chính ngày 26/8/2020 lại xác định thửa đất số 1378 có một phần đất trồng cây lâu năm và điện năng lượng. Yêu cầu này của bên nguyên đơn không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bên nguyên đơn tiếp tục yêu cầu Tòa án xác minh làm rõ. Tòa án cấp phúc thẩm đã có Văn bản số 236/TA-DS ngày 16/6/2023 xác minh thông tin. Ngày 29/6/2023, Tòa án cấp phúc thẩm nhận được Công văn số 1271/CNVPĐKĐĐ ngày 27/6/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C cung cấp thông tin như sau: *"Nguyên nhân sự khác nhau về thông tin giữa Công văn số 396/CNVPĐKĐĐ ngày 19/4/2021 và trích lục bản đồ địa chính ngày 26/8/2020 là do trong quá trình trích lập bản trích lục bản đồ địa chính ngày 26/8/2020 là có sự sai sót. Tại thời điểm ngày 26/8/2020 theo Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện B được UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 3816/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 thì thửa đất số 1378 tờ bản đồ số 9 xã T, huyện B thuộc quy hoạch đất trồng cây lâu năm"*.

Ngày 04/7/2023, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tiếp tục có đơn đề nghị Tòa án xác minh thông tin đường điện đi qua thửa đất. Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu xác minh thông tin theo đơn ngày

04/7/2023 của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, vì không liên quan đến việc giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 10/8/2020, nguyên đơn đặt cọc cho bị đơn số tiền 200.000.000 đồng, số tiền còn lại các bên thỏa thuận thanh toán vào ngày ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là ngày 25/9/20220 tại Văn phòng C, huyện B, tỉnh Bình Dương. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Nguyên đơn cho rằng thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng bị đơn (ông Nguyễn Thanh B và bà Mai Thị T1). Việc bị đơn tự ý ký thỏa thuận đặt cọc với nguyên đơn; bà T1 không ký tên, nên thỏa thuận đặt cọc này bị vô hiệu. Xét thấy, căn cứ hồ sơ cung cấp thông tin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS12367 ngày 23/5/2018, thửa đất số 1378 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bị đơn (ông Nguyễn Thanh B) nên ông B có các quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 166 và Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Mai Thị T1 là vợ ông B cũng không có ý kiến gì về việc ông B ký thỏa thuận đặt cọc ngày 10/8/2020 với nguyên đơn, nên không xem đây là lý do làm cho hợp đồng không được ký kết, thực hiện.

[6] Xét ý kiến của nguyên đơn cho rằng thửa đất số 1378 có một phần thuộc quy hoạch điện năng lượng, là lý do không thực hiện được thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Xét thấy: tại Văn bản số 396/CNVPĐKĐĐ ngày 19/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bình Dương thì thửa đất số 1378 thuộc quy hoạch đất trồng cây lâu năm. Lý do trích lục địa chính xác định thửa đất có một phần quy hoạch là có sai sót. Vì vậy, ngày 25/9/2020 nguyên đơn không đến văn phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo thỏa thuận là có lý do từ phía cơ quan nhà nước. Bị đơn cũng không thực hiện hết thiện chí của mình để có giải pháp giải quyết và ngày 10/10/2020 bị đơn đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác (ông Nguyễn Văn T2). Cả hai bên cùng không thực hiện đúng và thiện chí thực hiện nghĩa vụ dân sự không đầy đủ, nên cùng có lỗi, mức lỗi ngang nhau. Do đó, hai bên cùng phải gánh chịu trách nhiệm dân sự; mức trách nhiệm tương ứng với mức lỗi của mỗi bên. Nguyên đơn đã đặt cọc 200.000.000 đồng nên nguyên đơn phải chịu thiệt hại 100.000.000 đồng, bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn 100.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đánh giá chứng cứ chưa toàn diện. Vì vậy, cần sửa một phần bản án sơ thẩm.

[7] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ một phần.

[8] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp một phần.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Giao dịch dân sự có hiệu lực, việc hai bên không thực hiện được giao dịch một phần do nguyên nhân khách quan, một phần do hai bên nguyên đơn và bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, nên đương sự phải chịu án phí theo vụ án có giá ngạch.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu do sửa án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 328 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo nguyên đơn là ông Võ Quốc T.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương như sau:

Buộc ông Nguyễn Thanh B trả lại cho ông Võ Quốc T 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là ½ của số tiền 200.000.000 đồng ông Nguyễn Thanh B đã nhận tiền cọc của ông Võ Quốc T.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Võ Quốc T phải chịu 5.000.000 đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0052013 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương. Ông Võ Quốc T còn phải nộp 4.700.000 đồng (bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Thanh B phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Võ Quốc T không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho ông Võ Quốc T số tiền tạm ứng án phí

300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0006232 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Minh

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Chum **Nguyễn Thành Trung** **Ngô Văn Minh**